

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 16/5/2023

“V/v yêu cầu thực hiện

nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Bá Thới**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ánh Ngọc** và bà **Nguyễn Thị Huê**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai ghi biên bản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Minh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST- DS, ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 21/4/2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn Q**, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn PT, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

-Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn PT, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có mua vật liệu của gia đình tôi từ ngày 25/5/2017 đến 29/10/2017 để xây nhà bà và cho con gái của bà. Tổng cộng bà Nguyễn Thị H còn nợ lại gia đình tôi số tiền 60.000.000đồng (thực tế là 60.080.000đồng nhưng tôi bớt 80.000đồng) với lãi suất thỏa thuận như ban đầu và bà hẹn đến 15 ngày sau sẽ trả (tính từ ngày 11/11/2017) trả dứt điểm và đã viết cam kết giữa hai bên. Tuy nhiên đã cam kết nhưng bà Hạnh vẫn không trả theo đúng thời hạn. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết với nội dung yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả lại số tiền mua vật liệu xây dựng số tiền 92.3700.000 đồng (Chín mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng) , gồm tiền

nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi 0,83%/tháng từ tháng 12/2017 đến ngày xét xử hôm nay là 65 tháng (ngày 16/5/2023) là 32.370.000 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Hạnh vẫn không đến Tòa án làm việc và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 85, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 275, 280, 466, 468 469 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn Q số tiền 92.370.000 đồng, trong đó: Nợ gốc: 60.000.000 đồng và tiền lãi: 32.370.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q đối với bà Nguyễn Thị H về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị H đã đi khỏi nơi cư trú không rõ thời điểm trở về nên không thể tổng đạt trực tiếp được, Tòa án đã tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị H vẫn không đến Tòa án nộp văn bản ý kiến của mình cũng như phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn; Nay Tòa án tiếp tục mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Phạm Văn Q trình bày, từ ngày 25/5/2017 đến 29/10/2017, bà Nguyễn Thị H có mua vật liệu của cửa hàng vật liệu xây dựng của ông Phạm Văn Q nhiều lần và có nợ lại số tiền 60.080.000 đồng hẹn đến ngày 27/11/2017 trả dứt điểm và đã viết cam kết giữa hai

bên chót nợ với số tiền là 60.080.000đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn ông Phạm Văn Q giảm số tiền gốc xuống còn 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng). Hai bên có lập 01 (Một) giấy ký nhận thể hiện việc mua bán và ghi số tiền nợ. Tuy nhiên, bà Hạnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù ông Quỳnh đã nhiều lần yêu cầu.

Xét 01 (Một) giấy ký nhận, chót sổ ngày 11/11/2017, các bên có thỏa thuận thời hạn trả, nhưng không thỏa thuận lãi suất. Đây là hợp đồng mua bán tài sản, bên bị đơn còn nợ lại tiền mua vật liệu xây dựng nhưng không thỏa thuận lãi suất. Ông Quỳnh đã yêu cầu bà Hạnh trả nợ nhưng bà Hạnh vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, có căn cứ xác định, bà Hạnh có mua vật liệu của ông Phạm Văn Chi và còn nợ số tiền 60.000.000đồng, không xác định rõ lãi suất, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi và bị đơn chưa thanh toán nợ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Phạm Văn Q yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền gốc 60.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày mua bán từ tháng 11/2017 đến tháng ngày xét xử 16/5/2023 là 65 tháng: $60.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 65 \text{ tháng} = 32.370.000\text{đồng}$; tổng cộng cả gốc và lãi là 92.370.000đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng). Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Q nợ gốc là 60.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (16/5/2023 là: 32.370.000đồng, tổng cộng: 92.370.000đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho ông Quỳnh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;
Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả nợ cho ông Phạm Văn Q số tiền nợ: 92.370.000đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc: 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi: 32.370.000đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.618.500 (Bốn triệu sáu trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) án dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.502.000 (Một triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008004 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/5/2023), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Thiện;
- Chi cục THADS (khi án có hiệu lực);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Bá Thới

